TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2019
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Nguyễn Ngọc Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09/4/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc A, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp 11, thị trấn B, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Thành T, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: 2/17 ấp N thị trấn B, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2019, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc A có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân, bà A và ông T tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND thị trấn B, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 235/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay, nay bà A xác định

tình cảm vợ chồng không còn, nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Lâm Tâm N, sinh ngày 20/9/2003; ly hôn bà A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Thành T trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà A, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà Phạm Thị Ngọc A tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thành T. Ông T cư trú tại thị trấn B, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà A và ông T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 235/2002 tại Ủy ban nhân thị trấn B, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay thấy không thể hàn gắn được nên bà Phạm Thị Ngọc A yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thành T . Ông T không đến Tòa án để giải quyết tranh chấp, không đưa ra bất kỳ giải pháp nào hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông T là trầm trọng. Yêu cầu xin ly hôn của bà A là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Lâm Tâm N, sinh ngày 20/9/2003. Hiện tại cháu N đang ở với bà A và tại bản tự khai ngày 03/5/2019 của cháu N thể hiện nguyện vọng muốn sống với bà A, nên giao cháu N cho bà A được tiếp tục nuôi con để ổn định tâm lý của đứa trẻ.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết phần chia tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: bà Phạm Thị Ngọc A là nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc A đối với ông Phạm Thành T.

Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Ngọc A được ly hôn với ông Phạm Thành T.

Về nuôi con chung: giao cho bà Phạm Thị Ngọc A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Lâm Tâm N, sinh ngày 20/9/2003. Ông Phạm Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông Phạm Thành T có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

2/ Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001840, ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Phạm Thị Ngọc A đã nộp đủ án phí. Ông Phạm Thành T không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bà Phạm Thị Ngọc A biết nếu không đồng ý với quyết định của bản án thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/7/2019. Bị đơn ông Phạm Thành T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND thị trấn Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.